

KẾT QUẢ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 2

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
			Điểm bình quân toàn trường	5.79	5.15	4.08	5.53	5.12	3.39	4.63	4.98	5.84	19.38	6.11		
1	12A1	185004	LÊ THỊ ANH	7.2	6.5	3.2	4.50	6.25	3.75				21.73	6.64	D	D 16.9; A 17.95; A1 14.9; B 17.2
2	12A1	185005	NGUYỄN NHẬT ANH	8.8	5.5	4.2	2.75	5.00	6.50				23.25	6.94	D	D 18.5; A 16.55; A1 15.75; B 20.3
3	12A1	185007	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	6.6	5.5	4.4	6.75	5.75	2.00				21.33	6.63	D	D 16.5; A 19.1; A1 17.75; B 14.35
4	12A1	185014	NGUYỄN QUANG ANH	7.4	5	7.2	8.00	7.25	4.00				26.02	7.48	D	D 19.6; A 22.65; A1 22.6; B 18.65
5	12A1	185031	LÊ TUẤN ĐẠT	8.6	2.25	3.4	5.00	8.25	3.50				19.83	6.25	D	D 14.25; A 21.85; A1 17; B 20.35
6	12A1	185033	NGHIÊM PHÚ ĐIỀN	8.4	3.5	3	8.50	8.00	3.00				21.40	6.62	D	D 14.9; A 24.9; A1 19.9; B 19.4
7	12A1	185038	LÊ HỮU ĐỨC	7.2	3.75	3	8.50	6.25	2.50				19.70	6.46	D	D 13.95; A 21.95; A1 18.7; B 15.95
8	12A1	185041	HOÀNG HƯƠNG GIANG	7.6	4.5	5.2	5.50	5.25	2.50				21.72	6.64	D	D 17.3; A 18.35; A1 18.3; B 15.35
9	12A1	185042	LƯƠNG TRƯỜNG GIANG	7.8	6	6	3.75	8.75	8.25				26.72	7.87	D	D 19.8; A 20.3; A1 17.55; B 24.8
10	12A1	185047	LÊ THU HÀ	7.6	5.75	3.8	7.75	7.25	4.75				23.73	7.05	D	D 17.15; A 22.6; A1 19.15; B 19.6
11	12A1	185051	NGUYỄN CHÍ HẢI	7.8	4.5	6.2	8.00	6.75	4.50				24.92	7.32	D	D 18.5; A 22.55; A1 22; B 19.05
12	12A1	185053	NGUYỄN THỊ HANH	5.4	4	2.6	4.25	4.75	2.50				15.83	5.61	D	D 12; A 14.4; A1 12.25; B 12.65
13	12A1	185054	VŨ THỊ HẰNG	7.6	5.25	3.8	7.75	6.50	4.75				22.98	6.89	D	D 16.65; A 21.85; A1 19.15; B 18.85
14	12A1	185055	ĐỖ THỊ HIỀN	7.6	5	5.8	6.50	7.75	3.75				24.40	7.14	D	D 18.4; A 21.85; A1 19.9; B 19.1
15	12A1	185076	NGUYỄN THỊ VÂN KHÁNH	8.6	5.75	3.8	7.50	6.75	2.00				23.57	7.05	D	D 18.15; A 22.85; A1 19.9; B 17.35
16	12A1	185083	PHẠM VĂN LẠC	8.8	5	6.2	6.50	8.25	2.75				25.83	7.39	D	D 20; A 23.55; A1 21.5; B 19.8
17	12A1	185088	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LINH	8.6	6	7	6.75	7.00	3.75				27.43	8.05	D	D 21.6; A 22.35; A1 22.35; B 19.35
18	12A1	185090	NGUYỄN THỊ LINH	6.8	6	5.2	6.00	4.50	4.50				23.00	6.92	D	D 18; A 17.3; A1 18; B 15.8
19	12A1	185091	NGUYỄN THỊ THUY LINH	8.2	6.25	5.2	5.50	6.25	4.50				25.07	7.26	D	D 19.65; A 19.95; A1 18.9; B 18.95
20	12A1	185092	NGUYỄN THỊ THUY LINH	8.6	6	9	6.75	4.50	2.75				28.27	7.88	D	D 23.6; A 19.85; A1 24.35; B 15.85
21	12A1	185100	NGUYỄN ĐIỀU LY	8.2	6.25	5.8	7.50	7.75	3.25				26.42	7.58	D	D 20.25; A 23.45; A1 21.5; B 19.2
22	12A1	185101	TẠ HƯƠNG LY	8.2	4	3.4	6.75	7.50	4.25				21.77	6.33	D	D 15.6; A 22.45; A1 18.35; B 19.95
23	12A1	185103	NGUYỄN LÊ NHẬT MAI	8	7	5.4	5.25	8.25	9.25				27.98	7.8	D	D 20.4; A 21.5; A1 18.65; B 25.5
24	12A1	185107	MAI THỊ MY	7.8	5.75	6.6	5.75	7.50	3.00				25.57	7.43	D	D 20.15; A 21.05; A1 20.15; B 18.3
25	12A1	185123	NGUYỄN THU PHƯƠNG	9.2	5.25	5.8	7.00	9.50	5.00				27.42	7.61	D	D 20.25; A 25.7; A1 22; B 23.7
26	12A1	185136	NGUYỄN NĂNG SƠN	8.6	6.5	6.2	8.00	8.50	4.00				28.13	7.62	D	D 21.3; A 25.1; A1 22.8; B 21.1
27	12A1	185149	BÙI VĂN THÁI	7.4	6.25	4.8	5.50	4.75	4.00				23.20	6.9	D	D 18.45; A 17.65; A1 17.7; B 16.15
28	12A1	185142	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	7.6	4	7.2	8.75	6.50	5.75				25.80	7.33	D	D 18.8; A 22.85; A1 23.55; B 19.85
29	12A1	185140	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THAO	8	6.5	3.8	6.50	5.00	4.00				23.47	6.86	D	D 18.3; A 19.5; A1 18.3; B 17
30	12A1	185145	NGUYỄN THỊ THU THAO	8.6	7	6.6	6.50	7.25	2.75				27.70	7.81	D	D 22.2; A 22.35; A1 21.7; B 18.6
31	12A1	185146	NGUYỄN THU THAO	6.8	7.25	6.2	6.75	3.50	3.75				24.92	7.2	D	D 20.25; A 17.05; A1 19.75; B 14.05
32	12A1	185151	MAI ĐỨC THẮNG	8	3.75	3.8	6.25	6.25	3.50				20.88	6.46	D	D 15.55; A 20.5; A1 18.05; B 17.75
33	12A1	185152	NGUYỄN HỮU THẮNG	7.6	4	6.6	6.00	6.75	4.25				23.87	6.96	D	D 18.2; A 20.35; A1 20.2; B 18.6

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
34	12A1	185162	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	8.8	5.25	2.4	8.00	7.75	3.00				22.70	6.75	D	D 16.45; A 24.55; A1 19.2; B 19.55
35	12A1	185166	NGUYỄN ĐĂNG TOÀN	7.6	5.25	3.8	6.75	6.00	3.25				21.98	6.69	D	D 16.65; A 20.35; A1 18.15; B 16.85
36	12A1	185171	NGHIÊM THỊ TRANG	7.2	6	3.8	7.00	5.25	4.25				22.50	6.84	D	D 17; A 19.45; A1 18; B 16.7
37	12A1	185177	NGUYỄN THỊ THU TRANG	7.2	6	4	7.00	8.25	3.50				23.45	6.97	D	D 17.2; A 22.45; A1 18.2; B 18.95
38	12A1	185181	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	9	7	5.8	8.25	9.50	3.75				28.97	8.06	D	D 21.8; A 26.75; A1 23.05; B 22.25
39	12A1	185183	LÊ THỊ TRÂM	8	6	5	8.50	9.00	4.00				26.17	7.57	D	D 19; A 25.5; A1 21.5; B 21
40	12A1	185184	HOANG VIỆT TRINH	8	7.25	5.4	8.25	6.50	3.75				26.82	7.62	D	D 20.65; A 22.75; A1 21.65; B 18.25
41	12A1	185187	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	9	6	3.8	7.75	7.50	3.00				24.88	7.19	D	D 18.8; A 24.25; A1 20.55; B 19.5
42	12A1	185193	TRẦN VĂN TỬ	8.4	7	5.2	6.00	8.00	4.25				26.68	7.6	D	D 20.6; A 22.4; A1 19.6; B 20.65
43	12A1	185192	NGUYỄN HỮU TÙNG	8	7.25	5.8	8.00	7.75	4.75				27.88	7.9	D	D 21.05; A 23.75; A1 21.8; B 20.5
44	12A1	185198	ĐÀO THỊ DIỆU VI	8.4	7	5.2	6.75	5.25	3.25				25.68	7.45	D	D 20.6; A 20.4; A1 20.35; B 16.9
45	12A1	185199	LÊ TRUNG VIỆT	6.8	5.5	6.4	6.00	5.00	5.50				24.20	7.11	D	D 18.7; A 17.8; A1 19.2; B 17.3
1	12A10	185210	ĐÀO THỊ VÂN ANH	5.4	7.25	3.2				4.25	4.75	6.25	20.93	6.32	D	D 15.85; C0 16.25; C1 16.9
2	12A10	185211	LÊ THỊ HỒNG ANH	6.2	7	5.6				4	5.25	4.25	23.30	6.8	D	D 18.8; C0 16.25; C1 17.2
3	12A10	185227	TRẦN THỊ HẢI ANH	7	6.25	4.4				5	5.75	7.25	23.65	6.86	D	D 17.65; C0 17; C1 18.25
4	12A10	185228	VŨ MINH ANH	4.6	7	6.6				6.25	5.5	6.25	24.20	7.02	D	D 18.2; C0 18.75; C1 17.85
5	12A10	185230	LÊ THỊ ANH	1	-1								0.00	2.33	T	D 14.75; C0 16.25; C1 15.1
6	12A10	185245	NGUYỄN THỊ DUNG	7.2	7	6				6.25	5	7.5	26.45	7.47	D	D 20.2; C0 18.25; C1 20.45
7	12A10	185250	PHẠM TIẾN DŨNG	4.4	3.25	2.6				3	4	5	14.25	4.91	T	D 10.25; C0 10.25; C1 10.65
8	12A10	185259	NGUYỄN CÔNG ĐẠT	5.4	6	5.2				4	4.25	5	21.02	6.28	D	D 16.6; C0 14.25; C1 15.4
9	12A10	185263	NGUYỄN ĐĂNG ĐOÀN	2	2.75	1.4				4.5	2.75	3.75	9.82	4.14	T	D 6.15; C0 10; C1 9.25
10	12A10	185282	NGUYỄN NHƯ THUY HẰNG	5.6	4.5	3.8				4.75	4.5	5.75	18.90	6	D	D 13.9; C0 13.75; C1 14.85
11	12A10	185301	ĐỖ TRUNG HÒA	3.8	4.25	3.6				3.75	3.75	5.75	16.07	5.32	D	D 11.65; C0 11.75; C1 11.8
12	12A10	185304	PHẠM THỊ HUỆ	2.4	6.75	2.6				4.5	4	5.5	16.42	5.5	D	D 11.75; C0 15.25; C1 13.65
13	12A10	185310	NGUYỄN LINH HƯƠNG	5	7	3.2				4.5	3.75	7.25	20.37	6.25	D	D 15.2; C0 15.25; C1 16.5
14	12A10	185312	ĐÀO THỊ HƯƠNG	7	5.5	5				5.5	6.25	6.25	23.50	6.92	D	D 17.5; C0 17.25; C1 18
15	12A10	185313	VŨ THỊ HƯƠNG	4.6	5.25	4.6				7	4.25	6	20.20	6.26	D	D 14.45; C0 16.5; C1 16.85
16	12A10	185321	CHU THỊ NGỌC LAN	4.8	7	3.6				4.25	5.25	7	20.90	6.38	D	D 15.4; C0 16.5; C1 16.05
17	12A10	185326	ĐỖ THỊ LÊ	4	6	3.8				5.25	7	6	19.88	6.11	D	D 13.8; C0 18.25; C1 15.25
18	12A10	185329	ĐỖ THỊ MAI LINH	4.6	5.5	2.8				4.5	2.75	3.75	16.57	5.38	D	D 12.9; C0 12.75; C1 14.6
19	12A10	185330	HOANG THỊ DIỆU LINH	7	6	4.8				4.75	5.75	8.75	24.22	6.99	D	D 17.8; C0 16.5; C1 17.75
20	12A10	185337	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	2.6	6.75	2.4				4.5	4.25	4.75	16.25	5.47	D	D 11.75; C0 15.5; C1 13.85
21	12A10	185340	NGUYỄN THỊ THUY LINH	7.2	7	5.8				4.5	5	6	25.17	7.18	D	D 20; C0 16.5; C1 18.7
22	12A10	185342	VŨ THUY LINH	5.6	5.75	5.8				6.5	6.25	5.75	23.32	6.83	D	D 17.15; C0 18.5; C1 17.85
23	12A10	185349	QUÁCH THỊ LY	4.8	6.25	5.2				6.25	5.75	6.25	22.33	6.48	D	D 16.25; C0 18.25; C1 17.3
24	12A10	185362	NGUYỄN HẢI NAM	2.4	2	2.8				4.75	3.75	4	11.37	4.41	T	D 7.2; C0 10.5; C1 9.15
25	12A10	185363	NGUYỄN VĂN NAM	3	3.5	3.6				6	4.5	4.5	15.10	5.18	D	D 10.1; C0 14; C1 12.5

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
26	12A10	185364	NGUYỄN VĂN NAM	2.8	4	2.4				3.5	2.25	3.25	12.20	4.47	T	D 9.2; C0 9.75; C1 10.3
27	12A10	185369	ĐỖ HAI NGÂN	6.2	5.75	4.8				3.5	5.75	6	21.83	6.54	D	D 16.75; C0 15; C1 15.45
28	12A10	185370	TRẦN ĐẠI NGHĨA	4	5.5	2.4				3.25	2.5	3.5	14.98	5.13	D	D 11.9; C0 11.25; C1 12.75
29	12A10	185373	NGUYỄN THỊ NGOC	7.4	7	4.4				4.25	5.25	6	23.97	6.85	D	D 18.8; C0 16.5; C1 18.65
30	12A10	185384	NGUYỄN THỊ OANH	5.6	6.5	2.4				3.25	4.5	4.5	18.58	5.65	D	D 14.5; C0 14.25; C1 15.35
31	12A10	185385	NGUYỄN TUẤN PHÂN	6	5.5	2.6				3.5	4.75	4.75	18.43	5.48	D	D 14.1; C0 13.75; C1 15
32	12A10	185387	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	6.2	5	2.2				4.25	3	4.25	17.23	5.27	D	D 13.4; C0 12.25; C1 15.45
33	12A10	185392	PHẠM THỊ PHƯỢNG	1.8	4.5	3.4				4.25	5.25	6	14.87	4.91	T	D 9.7; C0 14; C1 10.55
34	12A10	185394	LƯƠNG ANH QUÂN	4.4	5	4.4							13.80	4.9	T	D 13.45; A 11.55; A1 12.2; B 12.3
35	12A10	185399	HUỶNH THỊ THU QUỲNH	4.6	6.25	4.2				6.75	6	6.75	21.55	6.52	D	D 15.05; C0 19; C1 17.6
36	12A10	185424	PHẠM PHƯƠNG THAO	5.6	7.5	3.4				4	4.5	4.5	20.83	6.37	D	D 16.5; C0 16; C1 17.1
37	12A10	185435	NGUYỄN ĐĂNG THUẬN	3.4	5	2.6				3.75	6.25	4.75	15.92	5.39	D	D 11; C0 15; C1 12.15
38	12A10	185436	NGUYỄN ĐẶC THUẬN	5	5.5	2.4				4.5	5.5	5.5	18.07	5.67	D	D 12.9; C0 15.5; C1 15
39	12A10	185440	LÊ ANH THU	4.8	6.5	5.6				4	4.5	5.25	21.48	6.51	D	D 16.9; C0 15; C1 15.3
40	12A10	185448	NGUYỄN THỊ TRANG	5.2	6	3				3.5	6	6	19.37	6.05	D	D 14.2; C0 15.5; C1 14.7
41	12A10	185458	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	5.4	5					6	4.75	5.5	15.82	5.4	D	D 10.4; C0 15.75; C1 16.4
42	12A10	185479	LÊ THỊ XUYỀN	6.8	6	4.4				4.75	4.5	5.5	22.12	6.59	D	D 17.2; C0 15.25; C1 17.55
43	12A10	185483	TRẦN THỊ HAI YÊN	2.6	6.75	3.2				3.25	4.5	5	16.80	5.57	D	D 12.55; C0 14.5; C1 12.6
1	12A11	185219	NGUYỄN THỊ LAN ANH	6.2	8.25	7.4				8.5	6.5	7.5	29.35	8.04	D	D 21.85; C0 23.25; C1 22.95
2	12A11	185231	NGUYỄN THỊ ANH	4	6.75	3.4				3.5	3.5	5.25	18.23	5.79	D	D 14.15; C0 13.75; C1 14.25
3	12A11	185235	BUI THỊ KIM CHI	2.2	5.5	2.6				3.75	3.75	3.75	14.05	5.09	D	D 10.3; C0 13; C1 11.45
4	12A11	185248	ĐỖ LÊ DỪNG	3.8	6.75	3.2				4.5	6	7	19.58	6.06	D	D 13.75; C0 17.25; C1 15.05
5	12A11	185251	TRẦN ANH DỪNG	2.8	2.5	2.6				5	4	4.75	12.48	4.55	T	D 7.9; C0 11.5; C1 10.3
6	12A11	185254	NGUYỄN NHƯ ANH DƯƠNG	5.2	4.75	4.4				4.5	3.75	7	19.43	6.09	D	D 14.35; C0 13; C1 14.45
7	12A11	185261	NGUYỄN ĐÌNH ĐÌNH	2.8	5.5	2.4				5.25	6.5	6.5	16.78	5.54	D	D 10.7; C0 17.25; C1 13.55
8	12A11	185272	LÊ THU HÀ	4	6.25	4.2				5.75	4.25	4.75	19.37	6.08	D	D 14.45; C0 16.25; C1 16
9	12A11	185274	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	4.8	4	2.8				4	6.25	5.75	16.93	5.62	D	D 11.6; C0 14.25; C1 12.8
10	12A11	185322	NGUYỄN THỊ LAN	4.8	5.75	2.8				5	6	5.25	18.77	5.94	D	D 13.35; C0 16.75; C1 15.55
11	12A11	185327	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	5.8	5	3				4.25	5.5	6.5	19.22	6.08	D	D 13.8; C0 14.75; C1 15.05
12	12A11	185331	LÊ THỊ MỸ LINH	4.4	6.75	3.4				4	5	5	19.22	5.93	D	D 14.55; C0 15.75; C1 15.15
13	12A11	185338	NGUYỄN THỊ NGOC LINH	5	5.5	4.4				4.5	5.25	7	20.48	6.21	D	D 14.9; C0 15.25; C1 15
14	12A11	185339	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	5.6	6.25	4.6				5.25	5.75	7	22.45	6.68	D	D 16.45; C0 17.25; C1 17.1
15	12A11	185344	HOÀNG THỊ LỘC	4.6	5	5.2				4	4.25	5.5	19.38	6.08	D	D 14.8; C0 13.25; C1 13.6
16	12A11	185352	LÊ THỊ MAI	2	6.75	2.6				3.75	5.75	6	16.52	5.26	D	D 11.35; C0 16.25; C1 12.5
17	12A11	185353	NGUYỄN THỊ MAI	5.8	6.5	5.6				4.5	4.25	6.25	22.90	6.7	D	D 17.9; C0 15.25; C1 16.8
18	12A11	185359	NGUYỄN THỊ VI NA	4.4	7	5.6				4.5	5.25	6.5	22.42	6.7	D	D 17; C0 16.75; C1 15.9
19	12A11	185368	LÊ THỊ HỒNG NGAT	4.8	6.25	4.6				5.5	4.75	7.25	21.48	6.42	D	D 15.65; C0 16.5; C1 16.55

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
20	12A11	185380	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	4.6	4.5	3.8				4.75	5.75	6.75	18.65	5.81	D	D 12.9; C0 15; C1 13.85
21	12A11	185389	NGUYỄN THU PHƯƠNG	6.2	5	4.8				2.75	5	6.25	20.67	6.02	D	D 16; C0 12.75; C1 13.95
22	12A11	185390	PHẠM THỊ PHƯƠNG	5.2	6.5	3				5.25	5.25	7.25	20.62	5.95	D	D 14.7; C0 17; C1 16.95
23	12A11	185393	NGUYỄN THẾ QUANG	3	5	1.6				5	4.25	3.5	13.85	4.73	T	D 9.6; C0 14.25; C1 13
24	12A11	185397	ĐÀO DIỆU QUYỀN	0.8	5.25	3.8				4	4.25	4.75	14.18	4.84	T	D 9.85; C0 13.5; C1 10.05
25	12A11	185404	PHẠM HỒNG SƠN	2.6	4	3				6.25	5	5.75	15.27	5.3	D	D 9.6; C0 15.25; C1 12.85
26	12A11	185418	NGUYỄN THANH THẢO	5.2	5.5	4.8				2.75	4.25	5.75	19.75	6.18	D	D 15.5; C0 12.5; C1 13.45
27	12A11	185421	NGUYỄN THỊ THẢO	2.2	6.25	2.4				3.25	3.25	1.75	13.60	4.98	T	D 10.85; C0 12.75; C1 11.7
28	12A11	185427	VŨ THỊ THẢO	7	6.5	5.6				5	4.75	6.75	24.60	7.12	D	D 19.1; C0 16.25; C1 18.5
29	12A11	185432	NGUYỄN THỊ THOA	5	6.75	5.2				5.25	5.25	8.25	23.20	6.78	D	D 16.95; C0 17.25; C1 17
30	12A11	185434	PHẠM LỆ THU	2.2	5	3.8				4.5	4	4.75	15.42	5.3	D	D 11; C0 13.5; C1 11.7
31	12A11	185437	BÙI THANH THUY	3.6	6	2.4				4.5	4.75	6.75	17.33	5.57	D	D 12; C0 15.25; C1 14.1
32	12A11	185438	ĐỖ THỊ THUY	5.4	5					6	5.5	6.75	16.48	5.72	D	D 10.4; C0 16.5; C1 16.4
33	12A11	185455	LÊ THỊ KIM TRÁ	6	6	3.6				4	4.75	5.5	20.35	6.25	D	D 15.6; C0 14.75; C1 16
34	12A11	185446	LƯƠNG THỊ TRANG	3.8	4	2.8				2.75	4.25	5	14.60	5.1	D	D 10.6; C0 11; C1 10.55
35	12A11	185449	NGUYỄN THỊ THU TRANG	4.6	6.75	4.4				4.75	5.25	7.25	21.50	6.54	D	D 15.75; C0 16.75; C1 16.1
36	12A11	185450	NGUYỄN THU TRANG	2.2	3.5	2.2				2.25	3	4.25	11.07	4.54	T	D 7.9; C0 8.75; C1 7.95
37	12A11	185461	NGUYỄN QUÝ TRƯỞNG	3	4	2.8				3.75	5.75	6.5	15.13	4.89	T	D 9.8; C0 13.5; C1 10.75
38	12A11	185464	HOANG VĂN TUẤN	4.8	6	4.6				6.75	8.75	7.5	23.07	6.94	D	D 15.4; C0 21.5; C1 17.55
39	12A11	185466	NGUYỄN VĂN TUỆ	5.6	3	2.8				2.75	4.5	5.25	15.57	5.2	D	D 11.4; C0 10.25; C1 11.35
40	12A11	185475	LÊ VĂN VIỆT	3.6	6	4.2				7.25	6	5.75	20.13	6.24	D	D 13.8; C0 19.25; C1 16.85
1	12A12	185216	NGUYỄN CÔNG TUẤN ANH	2	2.25	2.8				3.75	5	4	11.30	4.49	T	D 7.05; C0 11; C1 8
2	12A12	185218	NGUYỄN THỊ LAN ANH	4.8	5	2.4				2.75	4.75	5.25	16.45	5.51	D	D 12.2; C0 12.5; C1 12.55
3	12A12	185222	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	6	7	4.6				4	6	7.5	23.43	6.7	D	D 17.6; C0 17; C1 17
4	12A12	185232	PHẠM THỊ HỒNG ANH	4.6	6.25	4.8				5	4.75	6.5	21.07	6.35	D	D 15.65; C0 16; C1 15.85
5	12A12	185237	TRẦN THỊ LINH CHI	6.8	5.75	5.4				7.25	5.75	6	24.28	6.85	D	D 17.95; C0 18.75; C1 19.8
6	12A12	185244	NGUYỄN THỊ DIJU	2	6.75	3.6				4	4	5.75	16.93	5.51	D	D 12.35; C0 14.75; C1 12.75
7	12A12	185247	ĐÀO VIỆT DŨNG	3.6	5.75	2.2				4	5	6.5	16.72	5.59	D	D 11.55; C0 14.75; C1 13.35
8	12A12	185262	NGUYỄN ĐÌNH ĐỊNH	4.2	2.75	2.2				3.75	5	5.25	13.82	4.99	T	D 9.15; C0 11.5; C1 10.7
9	12A12	185270	NGUYỄN THỊ TRẢ GIANG	5.4	4.75	4.8				3	5.5	5	19.45	6.18	D	D 14.95; C0 13.25; C1 13.15
10	12A12	185273	NGUYỄN THANH HÀ	4.4	3	3.6				6.5	4.75	5.25	16.50	5.55	D	D 11; C0 14.25; C1 13.9
11	12A12	185276	NGUYỄN THU HÀ	4.6	4.25	5.6				4.75	5.5	7	20.20	6.16	D	D 14.45; C0 14.5; C1 13.6
12	12A12	185279	LÊ THỊ MỸ HẠNH	4.6	5.75	3				4	4.75	4.5	17.77	5.77	D	D 13.35; C0 14.5; C1 14.35
13	12A12	185281	HOANG THỊ HẠNG	3.6	5.75	4.4				3.75	4	5.75	18.25	5.85	D	D 13.75; C0 13.5; C1 13.1
14	12A12	185286	NGUYỄN THUY HIỀN	3	4.75	4.6				5.75	6.75	7.5	19.02	6.08	D	D 12.35; C0 17.25; C1 13.5
15	12A12	185289	ĐỖ VĂN HIỂU	5	5.25	3.4				4.5	4.25	6	18.57	5.88	D	D 13.65; C0 14; C1 14.75
16	12A12	185294	TÔ THỊ KIM HOA	2.6	4.5	3.6				3.25	3.25	5.5	14.70	5.08	D	D 10.7; C0 11; C1 10.35

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
17	12A12	185314	ĐỖ QUỐC KHÁNH	5.2	4.5	3.2				5	4.5	5.5	17.90	5.85	D	D 12.9; C0 14; C1 14.7
18	12A12	185080	NGUYỄN THỊ KIỀU		-1								-1.00	2.42	T	D 24.85; C0 20.75; C1 21.05
19	12A12	185325	NGUYỄN NGỌC LÂM	3.2	5	3				4	4	4	15.20	5.11	D	D 11.2; C0 13; C1 12.2
20	12A12	185333	NGUYỄN KHÁNH LINH	4.2	5	3				3.25	3.75	4	15.87	5.38	D	D 12.2; C0 12; C1 12.45
21	12A12	185347	LÊ PHƯƠNG LY	3.4	5	3.2				5	4	5	16.27	5.33	D	D 11.6; C0 14; C1 13.4
22	12A12	185354	ĐÀO THỊ TRÀ MI		-1	6.2				4.5	4.75	6.5	10.45	4.31	T	D 5.2; C0 8.25; C1 3.5
23	12A12	185356	ĐỖ TRÀ MY	3.6	5.5	6.2				5	6.5	7.5	21.63	6.54	D	D 15.3; C0 17; C1 14.1
24	12A12	185358	PHẠM THỊ TRÀ MY	2.6	4.75	2				2.25	3	2.75	12.02	4.67	T	D 9.35; C0 10; C1 9.6
25	12A12	185372	NGUYỄN THỊ HOÀI NGỌC	3.6	5	2.8				3.5	5.25	5.25	16.07	5.38	D	D 11.4; C0 13.75; C1 12.1
26	12A12	185377	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	2.6	4.5	2.4				3.5	4.5	5.25	13.92	5.07	D	D 9.5; C0 12.5; C1 10.6
27	12A12	185378	LÊ THỊ NGUYỆT	3.8	-1	3				4	5.75	7	11.38	4.3	T	D 5.8; C0 8.75; C1 6.8
28	12A12	185381	LÊ THỊ NHUNG	2.4	6.5	3.2				4.25	4.75	3.75	16.35	5.43	D	D 12.1; C0 15.5; C1 13.15
29	12A12	185395	NGUYỄN THỊ TÚ QUYỀN	6.4	6.75	4.2				5.25	5.5	7	23.27	6.82	D	D 17.35; C0 17.5; C1 18.4
30	12A12	185396	QUÁCH THỊ QUYỀN	2.4	6.75	3				3.75	4.5	7	17.23	5.77	D	D 12.15; C0 15; C1 12.9
31	12A12	185410	LÊ THỊ PHƯƠNG THANH	4.2	5	3.2				4.5	5	4.5	17.07	5.53	D	D 12.4; C0 14.5; C1 13.7
32	12A12	185420	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	3.6	6.25	3.6				6	5.25	6.75	19.45	6.09	D	D 13.45; C0 17.5; C1 15.85
33	12A12	185439	NGUYỄN THỊ THANH THUY	4.4	6.75	2.4				3.25	3.75	6.5	18.05	5.76	D	D 13.55; C0 13.75; C1 14.4
34	12A12	185442	NGUYỄN THỊ MINH THU	2.6	3.5	2.8				4.5	4.5	5.5	13.73	5.09	D	D 8.9; C0 12.5; C1 10.6
35	12A12	185444	NGUYỄN HUY TOÀN	2.6	3	2.2				4.25	2.75	2.75	11.05	4.36	T	D 7.8; C0 10; C1 9.85
36	12A12	185453	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	5.4	6.75	4.8				3	6	5.75	21.87	6.55	D	D 16.95; C0 15.75; C1 15.15
37	12A12	185468	VŨ THỊ TUYẾT	2.6	6.25	3.4				6.25	6	6.5	18.50	5.9	D	D 12.25; C0 18.5; C1 15.1
38	12A12	185480	LƯU KIM XUYỀN	5.8	6.25	3				5.5	6	6.25	20.97	6.42	D	D 15.05; C0 17.75; C1 17.55
39	12A12	185484	TRẦN DUY Y	2.4	5.5	2.2				3.75	5	5.75	14.93	5.09	D	D 10.1; C0 14.25; C1 11.65
1	12A2	185001	MAI SỸ AN	7.6	2.75	2.4	6.75	6.75	2.75				18.17	5.72	D	D 12.75; A 21.1; A1 16.75; B 17.1
2	12A2	185008	NGUYỄN THỊ VĂN ANH	8.6	5.25	4.6	6.25	6.00	3.00				23.53	7.02	D	D 18.45; A 20.85; A1 19.45; B 17.6
3	12A2	185009	NGUYỄN TUẤN ANH	7.2	4.5	6	7.00	3.50	2.25				21.95	6.65	D	D 17.7; A 17.7; A1 20.2; B 12.95
4	12A2	185013	LÊ TIẾN ANH		2.25	2.6	6.00	6.50	3.25				10.10	4.43	T	D 4.85; A 12.5; A1 8.6; B 9.75
5	12A2	185023	LÊ ĐỨC CHÍ	7.8	4	3.2	6.50	6.75	4.25				20.83	6.4	D	D 15; A 21.05; A1 17.5; B 18.8
6	12A2	185034	MAI VĂN ĐỖ	7.4	-1	3.4	6.75	6.50	3.50				15.38	5.32	T	D 9.8; A 20.65; A1 17.55; B 17.4
7	12A2	185035	NGUYỄN GIA ĐỖ	7	2.5	2.4	3.50	4.75	2.50				15.48	5.25	D	D 11.9; A 15.25; A1 12.9; B 14.25
8	12A2	185036	ĐÀO QUANG ĐỨC	7.8	3	4.6	6.50	6.00	3.00				20.57	6.35	D	D 15.4; A 20.3; A1 18.9; B 16.8
9	12A2	185039	NGHIÊM PHÚ ĐỨC	8.4	2	2.4	6.75	4.50	2.75				17.47	5.66	D	D 12.8; A 19.65; A1 17.55; B 15.65
10	12A2	185268	BUI THỊ HƯƠNG GIANG	5.2	6.25	1.8				4.5	6.25	6.5	19.00	6.1	D	D 13.25; C0 17; C1 15.95
11	12A2	185043	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	6.6	3.5	4.6	4.00	5.25	3.50				18.95	6.13	D	D 14.7; A 15.85; A1 15.2; B 15.35
12	12A2	185044	PHẠM TRÀ GIANG	7.8	3.75	4.2	6.75	6.25	4.25				21.50	6.63	D	D 15.75; A 20.8; A1 18.75; B 18.3
13	12A2	185048	LÊ THUY HÀ	6.6	4.25	2.8	3.25	4.75	3.50				17.48	5.78	D	D 13.65; A 14.6; A1 12.65; B 14.85
14	12A2	185061	NGUYỄN THỊ QUYNH HOA	6.8	3	2.8	4.00	3.75	3.75				16.43	5.57	D	D 12.6; A 14.55; A1 13.6; B 14.3

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
15	12A2	185064	LÊ HUY HOÀNG	6.8	3.25	3	5.75	4.75	3.25				17.63	5.72	D	D 13.05; A 17.3; A1 15.55; B 14.8
16	12A2	185066	NGUYỄN THỊ HỒNG	7.8	6	6.2	7.00	4.75	3.00				24.92	7.14	D	D 20; A 19.55; A1 21; B 15.55
17	12A2	185069	NGHIÊM TUẤN HÙNG	8.4	3	6	7.00	7.25	3.50				23.32	6.86	D	D 17.4; A 22.65; A1 21.4; B 19.15
18	12A2	185067	LÊ NGỌC HUY	8	3.75	3.8	6.25	6.00	3.75				20.88	6.4	D	D 15.55; A 20.25; A1 18.05; B 17.75
19	12A2	185074	TẠ QUANG KHAI	8	5.25	7.6	6.00	4.50	4.25				25.77	7.41	D	D 20.85; A 18.5; A1 21.6; B 16.75
20	12A2	185079	NGUYỄN TRỌNG KIÊN	7.2	3.25	7.4	5.75	4.50	3.50				22.43	6.65	D	D 17.85; A 17.45; A1 20.35; B 15.2
21	12A2	185094	PHẠM HOÀI LINH	7.6	5	4.6	7.25	6.75	3.50				23.03	6.9	D	D 17.2; A 21.6; A1 19.45; B 17.85
22	12A2	185096	PHẠM THÀNH LONG	8.6	5.5	4	5.50	4.00	2.50				22.10	6.62	D	D 18.1; A 18.1; A1 18.1; B 15.1
23	12A2	185098	NGUYỄN TRỌNG LƯU	7.8	2.5	2.2	6.50	5.75	3.50				17.75	5.8	D	D 12.5; A 20.05; A1 16.5; B 17.05
24	12A2	185099	HOANG THẾ LỰC	7.4	3	2.2	6.25	3.50	3.75				17.10	5.71	D	D 12.6; A 17.15; A1 15.85; B 14.65
25	12A2	185109	NGUYỄN TRẦN MY	7.4	5.75	4.2	6.75	6.25	2.50				22.52	6.84	D	D 17.35; A 20.4; A1 18.35; B 16.15
26	12A2	185114	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	7.8	5.25	4.2	5.25	4.50	4.50				22.00	6.6	D	D 17.25; A 17.55; A1 17.25; B 16.8
27	12A2	185115	QUÁCH NHƯ NGỌC	7	3	2.8	4.50	5.25	3.25				17.13	5.72	D	D 12.8; A 16.75; A1 14.3; B 15.5
28	12A2	185118	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	7.2	6	7.6	6.75	4.75	5.50				26.47	7.33	D	D 20.8; A 18.7; A1 21.55; B 17.45
29	12A2	185120	PHẠM THỊ OANH	7.6	5.5	4.4	6.75	4.25	2.75				22.08	6.35	D	D 17.5; A 18.6; A1 18.75; B 14.6
30	12A2	185121	MAI GIA PHÚC	7.8	4.5	3.8	6.00	5.75	3.00				21.02	6.43	D	D 16.1; A 19.55; A1 17.6; B 16.55
31	12A2	185122	LÊ THU PHƯƠNG	6.6	5.25	3.6	5.25	4.75	3.25				19.87	6.17	D	D 15.45; A 16.6; A1 15.45; B 14.6
32	12A2	185125	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	7.2	6.5	8	6.25	3.25	3.75				26.12	7.18	D	D 21.7; A 16.7; A1 21.45; B 14.2
33	12A2	185133	NGUYỄN THỊ QUỲNH	7.6	6.75	6.6	4.75	4.00	2.75				24.78	7.18	D	D 20.95; A 16.35; A1 18.95; B 14.35
34	12A2	185143	NGUYỄN THAI THANH	5.6	5.5	2.2	5.25	4.75	2.50				17.47	5.66	D	D 13.3; A 15.6; A1 13.05; B 12.85
35	12A2	185144	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	7.2	4	2.2	5.50	5.50	2.50				17.90	5.7	D	D 13.4; A 18.2; A1 14.9; B 15.2
36	12A2	185150	LÊ ĐẠI THẮNG	7.8	4.75	3	7.25	8.50	2.25				21.55	6.43	D	D 15.55; A 23.55; A1 18.05; B 18.55
37	12A2	185154	NGUYỄN VĂN THẾ	7.2	5.75	2.2	6.25	6.50	2.75				20.32	6.37	D	D 15.15; A 19.95; A1 15.65; B 16.45
38	12A2	185157	TRẦN HOÀI THU	8.2	4.75	3.6	6.50	6.50	4.25				22.30	6.71	D	D 16.55; A 21.2; A1 18.3; B 18.95
39	12A2	185159	ĐÀO THỊ ANH THU	6.8	6	2.6	4.75	3.00	3.50				19.15	6.04	D	D 15.4; A 14.55; A1 14.15; B 13.3
40	12A2	185160	CAO MINH THỰC	6	2.75	2.2	3.75	2.00	2.00				13.53	4.97	T	D 10.95; A 11.75; A1 11.95; B 10
41	12A2	185164	VŨ CÔNG TIẾN	7.4	4	4	5.50	6.00	3.25				20.32	6.16	D	D 15.4; A 18.9; A1 16.9; B 16.65
42	12A2	185175	NGUYỄN THỊ TRANG	8	6.25	3	5.50	4.75	3.75				21.92	6.59	D	D 17.25; A 18.25; A1 16.5; B 16.5
43	12A2	185178	NGUYỄN THỊ THUY TRANG	8.4	6.25	5	5.00	5.25	4.25				24.48	7.03	D	D 19.65; A 18.65; A1 18.4; B 17.9
44	12A2	185185	MAI PHƯƠNG TRINH	6.6	6.75	4.2	4.00	4.25	4.00				21.63	6.57	D	D 17.55; A 14.85; A1 14.8; B 14.85
45	12A2	185196	MAI THU VÂN	6.6	5.5	3.8	3.75	4.25	2.75				19.48	6.1	D	D 15.9; A 14.6; A1 14.15; B 13.6
1	12A3	185003	LÊ ĐỨC ANH	7.8	3.75	3.2	7.00	7.25	3.25				20.58	6.32	D	D 14.75; A 22.05; A1 18; B 18.3
2	12A3	185012	LÊ THỊ NGỌC ANH	8.2	6	4.8	6.75	6.00	3.75				24.50	7.25	D	D 19; A 20.95; A1 19.75; B 17.95
3	12A3	185015	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	6.8	3.25	7.2	3.75	4.75	3.00				21.08	6.56	D	D 17.25; A 15.3; A1 17.75; B 14.55
4	12A3	185016	TRẦN NGỌC ANH	5.8	5.5	5.8	6.50	5.50	3.00				22.10	6.74	D	D 17.1; A 17.8; A1 18.1; B 14.3
5	12A3	185017	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG BẠCH	6.6	4	3.8	7.00	6.25	3.75				20.07	6.32	D	D 14.4; A 19.85; A1 17.4; B 16.6
6	12A3	185019	NGUYỄN KHẮC CHĂNG	7	1.75	2.6	6.50	5.75	2.00				16.10	5.51	D	D 11.35; A 19.25; A1 16.1; B 14.75

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
7	12A3	185022	ĐÀO THỊ CHINH	7	5.5	2.4	3.75	4.75	2.25				18.48	6.01	D	D 14.9; A 15.5; A1 13.15; B 14
8	12A3	185028	NGUYỄN VĂN DŨNG	8	3	3.2	5.00	5.50	3.00				18.70	6.17	D	D 14.2; A 18.5; A1 16.2; B 16.5
9	12A3	185026	LÊ THỊ DUYỀN	6.2	3.25	3.2	6.50	5.25	3.00				17.57	6	D	D 12.65; A 17.95; A1 15.9; B 14.45
10	12A3	185029	NGUYỄN QUÝ DƯƠNG	8	4	2	7.50	7.00	4.00				20.17	6.37	D	D 14; A 22.5; A1 17.5; B 19
11	12A3	185045	QUÁCH THỊ GIANG	8	5.25	6	7.25	7.00	4.50				25.50	7.39	D	D 19.25; A 22.25; A1 21.25; B 19.5
12	12A3	185046	TRẦN MINH GIANG	7	4	4.6	7.00	5.50	6.25				21.85	6.72	D	D 15.6; A 19.5; A1 18.6; B 18.75
13	12A3	185050	PHÙNG THỊ THU HÀ	7	3.5	4	5.75	5.50	4.00				19.58	6.3	D	D 14.5; A 18.25; A1 16.75; B 16.5
14	12A3	185058	VŨ NGỌC HIỆP	4.8	1.5	8.2	5.50	3.25	2.75				18.33	5.93	D	D 14.5; A 13.55; A1 18.5; B 10.8
15	12A3	185057	ĐÀO ĐỖ MINH HIẾU	7.4	2	5	7.00	5.25	2.75				19.40	6.2	D	D 14.4; A 19.65; A1 19.4; B 15.4
16	12A3	185063	LÊ TRỌNG HOÀN	7.2	3.5	2.8	5.00	3.50	2.50				17.17	5.55	D	D 13.5; A 15.7; A1 15; B 13.2
17	12A3	185065	NGUYỄN TRỌNG HOANG	6.2	4.75	3.2	3.50	6.00	2.50				18.15	5.93	D	D 14.15; A 15.7; A1 12.9; B 14.7
18	12A3	185068	LƯU TIỀN HUY	6.8	2.5	2.4	6.00	4.00	2.00				15.70	5.53	D	D 11.7; A 16.8; A1 15.2; B 12.8
19	12A3	185073	QUÁCH VĂN KHAI	5.8	4.25	3.4	3.00	2.75	3.75				16.62	5.63	D	D 13.45; A 11.55; A1 12.2; B 12.3
20	12A3	185075	NGUYỄN DUY KHÁNH	5.6	3.5	2.4	4.50	2.00	2.75				14.58	5.21	D	D 11.5; A 12.1; A1 12.5; B 10.35
21	12A3	185081	LÊ THỊ HƯƠNG LAN	7	6	2.2	5.50	4.50	3.25				19.62	6.3	D	D 15.2; A 17; A1 14.7; B 14.75
22	12A3	185082	PHẠM HƯƠNG LAN	6.6	5.75	3	7.00	5.00	3.25				20.43	6.36	D	D 15.35; A 18.6; A1 16.6; B 14.85
23	12A3	185084	LÊ VĂN LÂM	7	5	3	5.25	5.25	4.25				19.92	6.18	D	D 15; A 17.5; A1 15.25; B 16.5
24	12A3	185086	LÊ ĐIỀU LINH	5.2	6	3	4.75	2.75	3.75				17.95	5.89	D	D 14.2; A 12.7; A1 12.95; B 11.7
25	12A3	185087	MAI THỊ ĐIỀU LINH	5.4	5.25	2.8	3.50	5.00	1.75				16.87	5.76	D	D 13.45; A 13.9; A1 11.7; B 12.15
26	12A3	185089	NGUYỄN KHANH LINH	7.8	5.75	6.6	7.00	5.25	4.00				25.57	7.4	D	D 20.15; A 20.05; A1 21.4; B 17.05
27	12A3	185095	PHẠM THỊ NGỌC LINH	5.6	3.75	3.4	6.75	6.00	3.00				18.00	5.9	D	D 12.75; A 18.35; A1 15.75; B 14.6
28	12A3	185108	NGUYỄN THỊ TRÂM MY	6.4	3.75	5.4	4.25	3.50	4.75				19.72	6.23	D	D 15.55; A 14.15; A1 16.05; B 14.65
29	12A3	185111	NGUYỄN ĐÌNH NAM	6.4	2.75	2.6	5.25	4.25	3.00				15.92	5.45	D	D 11.75; A 15.9; A1 14.25; B 13.65
30	12A3	185117	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	7.2	2.25	2.6	4.75	6.25	3.75				16.97	5.6	D	D 12.05; A 18.2; A1 14.55; B 17.2
31	12A3	185126	LÊ MINH QUANG	6.8	5	2.8	6.25	3.50	3.25				18.93	6.01	D	D 14.6; A 16.55; A1 15.85; B 13.55
32	12A3	185129	NGUYỄN THỊ QUYỀN	6.2	7	5.8	6.00	4.50	4.00				23.83	7.04	D	D 19; A 16.7; A1 18; B 14.7
33	12A3	185131	ĐÀO THỊ NHƯ QUỲNH	7.2	6.25	3.6	4.00	3.50	4.00				20.88	6.49	D	D 17.05; A 14.7; A1 14.8; B 14.7
34	12A3	185132	LÊ THỊ QUỲNH	8.6	7.25	5.4	8.50	6.00	5.00				27.75	7.91	D	D 21.25; A 23.1; A1 22.5; B 19.6
35	12A3	185135	NGUYỄN HỒNG SƠN	6.2	5.5	3.6	5.25	4.00	3.75				19.63	6.07	D	D 15.3; A 15.45; A1 15.05; B 13.95
36	12A3	185141	LÊ XUÂN THÀNH	7	6.5	3.8	4.50	4.00	4.00				21.47	6.42	D	D 17.3; A 15.5; A1 15.3; B 15
37	12A3	185147	PHẠM THỊ THAO	6.4	6.75	6.2	6.75	6.25	5.75				25.60	7.47	D	D 19.35; A 19.4; A1 19.35; B 18.4
38	12A3	185148	QUÁCH THỊ THAO	6.8	7.5	5	6.25	5.50	4.50				24.72	7.35	D	D 19.3; A 18.55; A1 18.05; B 16.8
39	12A3	185163	NGUYỄN VĂN TIỀN	5.2	5.25	2.4	3.00	3.25	3.25				16.02	5.4	D	D 12.85; A 11.45; A1 10.6; B 11.7
40	12A3	185179	NGUYỄN THU TRANG	7.2	6.5	3.2	6.50	5.50	5.50				22.73	6.88	D	D 16.9; A 19.2; A1 16.9; B 18.2
41	12A3	185180	PHẠM THỊ TRANG	5	6.75	3.4	5.25	5.00	4.50				20.07	6.29	D	D 15.15; A 15.25; A1 13.65; B 14.5
42	12A3	185182	LÊ THỊ TRÂM	7.6	6	4.8	6.25	7.75	3.50				24.23	7.23	D	D 18.4; A 21.6; A1 18.65; B 18.85
43	12A3	185190	PHÙNG XUÂN TUÂN	5.6	4.25	5	6.25	6.25	2.50				19.85	6.19	D	D 14.85; A 18.1; A1 16.85; B 14.35

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
44	12A3	185194	ĐÀO THỊ UYÊN	6.6	5.5	4.2	3.25	3.50	4.25				19.97	6.39	D	D 16.3; A 13.35; A1 14.05; B 14.35
45	12A3	185202	LÊ THÀNH VINH	6.8	5	4	4.25	4.75	4.25				20.22	6.26	D	D 15.8; A 15.8; A1 15.05; B 15.8
1	12A4	185006	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	7.4	6	3.8	6.75	5.50	4.25				22.70	6.75	D	D 17.2; A 19.65; A1 17.95; B 17.15
2	12A4	185010	BUI NGOC ANH	6	3.5	3.2	5.00	4.75	1.75				16.53	5.49	D	D 12.7; A 15.75; A1 14.2; B 12.5
3	12A4	185018	CHU TÌNH BIÊN	5.8	3.5	3.8	5.00	2.75	2.50				16.52	5.52	D	D 13.1; A 13.55; A1 14.6; B 11.05
4	12A4	185021	PHẠM VĂN CHIÊN	8	2.75	3.6	5.50	6.50	1.00				18.68	6.02	T	D 14.35; A 20; A1 17.1; B 15.5
5	12A4	185020	NGUYỄN VĂN CHIÊU	5.8	3.75	3	3.25	3.50	3.25				15.88	5.51	D	D 12.55; A 12.55; A1 12.05; B 12.55
6	12A4	185027	LÊ QUANG DŨNG	7	2.5	2.4	5.50	4.50	2.50				16.07	5.47	D	D 11.9; A 17; A1 14.9; B 14
7	12A4	185025	HOÀNG THỊ DUYỀN	6	4	6	4.75	2.75	3.75				19.75	6.47	D	D 16; A 13.5; A1 16.75; B 12.5
8	12A4	185056	LÊ THỊ THU HIỀN	4.8	3.75	3	5.25	5.25	2.25				15.80	5.52	D	D 11.55; A 15.3; A1 13.05; B 12.3
9	12A4	185059	LÊ VĂN HIỆU	5.2	3	2.4	2.00	2.75	1.50				12.68	4.79	T	D 10.6; A 9.95; A1 9.6; B 9.45
10	12A4	185060	NGUYỄN NHƯ HOA	6.4	3.5	3.6	4.25	5.00	4.25				18.00	5.93	D	D 13.5; A 15.65; A1 14.25; B 15.65
11	12A4	185293	NGUYỄN THỊ HOA	5.4	6.75	3.8				5.25	5.5	7.25	21.95	6.47	D	D 15.95; C0 17.5; C1 17.4
12	12A4	185062	VŨ THỊ QUYNH HOA	7	3.5	3.4	4.50	2.25	3.00				17.15	5.52	D	D 13.9; A 13.75; A1 14.9; B 12.25
13	12A4	185324	NGUYỄN HÙNG LÂM	3.6	4	2.2				4.25	5.25	3.75	14.22	4.82	T	D 9.8; C0 13.5; C1 11.85
14	12A4	185085	LƯƠNG XUÂN LẬP	5.8	3	2.4	3.50	3.75	3.00				14.62	5.13	D	D 11.2; A 13.05; A1 11.7; B 12.55
15	12A4	185093	NGUYỄN VĂN LINH	4.6	4	3	3.75	3.00	3.00				14.85	5.17	D	D 11.6; A 11.35; A1 11.35; B 10.6
16	12A4	185104	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	4.6	5.5	3.4	5.25	4.25	3.50				17.83	5.34	D	D 13.5; A 14.1; A1 13.25; B 12.35
17	12A4	185113	NGUYỄN HỒNG NGỌC	6.8	5	3.4	4.75	4.75	3.00				19.37	6.23	D	D 15.2; A 16.3; A1 14.95; B 14.55
18	12A4	185116	HOÀNG ĐỨC NHÂN	4.4	2.75	3.2	2.50	2.75	4.75				13.68	4.93	T	D 10.35; A 9.65; A1 10.1; B 11.9
19	12A4	185119	NGUYỄN THỊ MAI NƯƠNG	6.4	4.5	3.4	5.25	4.75	2.75				18.55	5.68	D	D 14.3; A 16.4; A1 15.05; B 13.9
20	12A4	185128	ĐÀO QUANG MINH QUÂN	6.6	5.75	3	5.25	4.75	3.00				19.68	6.04	D	D 15.35; A 16.6; A1 14.85; B 14.35
21	12A4	185137	PHẠM VĂN TÀI	7.4	5	2.8	7.00	5.00	3.00				20.20	6.02	D	D 15.2; A 19.4; A1 17.2; B 15.4
22	12A4	185138	NGUYỄN CHỈ TÂN	7.6	6.75	3.4	6.00	4.75	3.00				22.33	6.42	D	D 17.75; A 18.35; A1 17; B 15.35
23	12A4	185407	TRẦN HỮU TÂN	3.2	4	3.4				3.5	4	4	14.43	4.92	T	D 10.6; C0 11.5; C1 10.7
24	12A4	185408	LÊ TRỌNG TÂN	5.8	3.5	2.8				6.5	5.25	6.25	18.10	5.53	D	D 12.1; C0 15.25; C1 15.8
25	12A4	185139	LÊ VĂN THANH	7.4	6.75	3.8	5.75	5.25	2.00				22.28	6.53	D	D 17.95; A 18.4; A1 16.95; B 14.65
26	12A4	185414	VŨ VĂN THÀNH	5.6	5	2.2				3.25	5.25	4.75	17.22	5.55	D	D 12.8; C0 13.5; C1 13.85
27	12A4	185416	ĐỖ THỊ THAO	5	5.5	1.8				5	4.75	6.25	17.63	5.69	D	D 12.3; C0 15.25; C1 15.5
28	12A4	185161	LÊ VĂN TIỀN	6.6	5.75	4.4	6.00	1.75	3.50				20.50	6.43	D	D 16.75; A 14.35; A1 17; B 11.85
29	12A4	185165	QUÁCH THỊ TÌNH	5.6	6	4.2	5.50	4.25	3.50				20.22	6.38	D	D 15.8; A 15.35; A1 15.3; B 13.35
30	12A4	185176	NGUYỄN THỊ TRANG	7	5.5	3.6	4.25	4.75	2.00				19.77	6.21	D	D 16.1; A 16; A1 14.85; B 13.75
31	12A4	185174	NGUYỄN THỊ KIM TRANG	6	6.5	2.4	2.00	3.00	1.50				17.07	5.65	D	D 14.9; A 11; A1 10.4; B 10.5
32	12A4	185186	LÊ MINH TRÍ	5	4.25	2.6	5.75	5.25	2.50				16.35	5.52	D	D 11.85; A 16; A1 13.35; B 12.75
33	12A4	185189	LÊ TRỌNG TRƯỚC	7	4.25	3	4.75	3.00	2.75				17.75	5.74	D	D 14.25; A 14.75; A1 14.75; B 12.75
34	12A4	185188	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	7.2	3	1.6	4.25	2.50	2.75				14.97	5.22	D	D 11.8; A 13.95; A1 13.05; B 12.45
35	12A4	185191	HOÀNG MINH TÙNG	5.8	5.5	2	3.75	4.50	2.75				16.97	5.6	D	D 13.3; A 14.05; A1 11.55; B 13.05

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
36	12A4	185195	ĐOÀN THỊ VÂN	5.6	5	3.4	5.25	4.50	2.75				18.17	5.81	D	D 14; A 15.35; A1 14.25; B 12.85
1	12A5	185224	NGUYỄN VIỆT ANH	3.8	5.25	2.6				4.25	4.75	3.75	15.90	5.23	D	D 11.65; C0 14.25; C1 13.3
2	12A5	185225	NGUYỄN VIỆT ANH	5.2	5.5	3.4				6.5	5	6	19.93	6.03	D	D 14.1; C0 17; C1 17.2
3	12A5	185011	HOANG NGOC ANH	5.6	5	4.2	4.75	6.75	1.50				19.13	6.07	D	D 14.8; A 17.1; A1 14.55; B 13.85
4	12A5	185238	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	4.6	5.5	2.8				5.5	3.5	5.75	17.82	5.63	D	D 12.9; C0 14.5; C1 15.6
5	12A5	185024	PHẠM THỊ DUNG	5.4	4.25	3.4	4.75	5.25	3.50				17.55	5.82	D	D 13.05; A 15.4; A1 13.55; B 14.15
6	12A5	185249	PHẠM TIẾN DŨNG	7.4	5	8.2				5	6	7.75	26.85	7.51	D	D 20.6; C0 16; C1 17.4
7	12A5	185252	LÊ THUY DƯƠNG	3.6	5.5	2.6				5.25	5.25	7	17.53	5.7	D	D 11.7; C0 16; C1 14.35
8	12A5	185257	LÊ THÀNH ĐẠT	5.6	4	2.6				6.75	5.25	8.5	19.03	5.93	D	D 12.2; C0 16; C1 16.35
9	12A5	185258	LÊ VĂN ĐẠT	5.6	3.5	1.8				4.5	4.5	4.75	15.48	5.13	D	D 10.9; C0 12.5; C1 13.6
10	12A5	185032	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	5.8	2.5	3.4	3.50	2.00	3.25				14.62	5.16	D	D 11.7; A 11.3; A1 12.7; B 11.05
11	12A5	185265	NGUYỄN HỮU ĐÔNG	5	5	3				7.75	6.5	7.25	20.17	6.22	D	D 13; C0 19.25; C1 17.75
12	12A5	185049	PHẠM THU HÀ	4	5	3	2.50	3.25	2.50				14.75	5.33	D	D 12; A 9.75; A1 9.5; B 9.75
13	12A5	185052	NGUYỄN QUYNH HAO	7	5.5	3.8	5.25	5.75	1.75				20.55	6.35	D	D 16.3; A 18; A1 16.05; B 14.5
14	12A5	185290	LÊ TRUNG HIỂU	4.4	3	1.8				4.5	3.75	5	13.62	4.89	T	D 9.2; C0 11.25; C1 11.9
15	12A5	185299	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	3.6	5.5	2.8				5.75	6.5	8.5	18.82	5.89	D	D 11.9; C0 17.75; C1 14.85
16	12A5	185070	NGUYỄN HUY HÙNG	5.6	3.75	3.4	6.00	4.00	4.50				17.58	5.62	D	D 12.75; A 15.6; A1 15; B 14.1
17	12A5	185072	NGUYỄN THỊ LINH HƯƠNG	5.4	3.75	3.6	2.50	3.75	2.75				15.75	5.45	D	D 12.75; A 11.65; A1 11.5; B 11.9
18	12A5	185343	LÊ VĂN LONG	2.8	3.75	2				4.75	4.5	4.5	13.13	4.66	T	D 8.55; C0 13; C1 11.3
19	12A5	185102	TRẦN LY LY	6.4	3.75	2.8	5.00	5.25	2.75				17.28	5.66	D	D 12.95; A 16.65; A1 14.2; B 14.4
20	12A5	185350	ĐÀO THỊ DIỆU MAI	4	5.75	3.2				4.5	5.25	6.75	18.45	5.8	D	D 12.95; C0 15.5; C1 14.25
21	12A5	185105	LÊ HỮU MINH	6	3.25	2.6	4.25	2.50	3.75				15.35	5.14	D	D 11.85; A 12.75; A1 12.85; B 12.25
22	12A5	185106	ĐÀO THỊ TRÂM MY	7.2	5	7.8	7.50	3.50	4.50				25.17	7.22	D	D 20; A 18.2; A1 22.5; B 15.2
23	12A5	185110	LÊ DŨNG NAM	7.6	5	1.6	4.75	6.50	3.50				19.12	6.1	D	D 14.2; A 18.85; A1 13.95; B 17.6
24	12A5	185124	VŨ THỊ THU PHƯƠNG	6	4.5	3.2	4.00	4.25	3.50				17.62	5.57	D	D 13.7; A 14.25; A1 13.2; B 13.75
25	12A5	185127	NGUYỄN XUÂN QUANG	6.2	6.5	2.8	4.00	3.75	2.50				18.92	5.88	D	D 15.5; A 13.95; A1 13; B 12.45
26	12A5	185130	TRẦN VĂN QUYỀN	6.4	5.75	4.4	7.00	4.75	2.25				21.22	6.38	D	D 16.55; A 18.15; A1 17.8; B 13.4
27	12A5	185398	NGUYỄN HUY QUYẾT	4.2	5	2				4.25	5.5	6.75	16.70	5.52	D	D 11.2; C0 14.75; C1 13.45
28	12A5	185134	NGUYỄN VĂN SÂM	7.2	5.25	2.6	5.25	4.50	2.25				19.05	5.97	D	D 15.05; A 16.95; A1 15.05; B 13.95
29	12A5	185409	BÙI XUÂN THANH	5	5.75	2.8				4.25	5	6	18.63	5.68	D	D 13.55; C0 15; C1 15
30	12A5	185412	ĐÀO QUANG THANH	6.6	5	3.6				5.25	4.75	6	20.53	6.17	D	D 15.2; C0 15; C1 16.85
31	12A5	185430	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	5	5	2				4.5	4.75	6.25	17.17	5.49	D	D 12; C0 14.25; C1 14.5
32	12A5	185153	NGUYỄN VĂN THẮNG	7	4.25	3.4	3.00	2.50	3.25				17.57	5.64	D	D 14.65; A 12.5; A1 13.4; B 12.75
33	12A5	185169	DƯƠNG HỒNG TRANG	6.2	8	3.4	2.50	3.75	5.00				21.35	6.49	D	D 17.6; A 12.45; A1 12.1; B 14.95
34	12A5	185170	LƯU THỊ HUYỀN TRANG	6.6	6.25	4.8	3.75	4.75	2.50				21.32	6.57	D	D 17.65; A 15.1; A1 15.15; B 13.85
35	12A5	185173	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	6.6	5	3.4	4.75	3.75	2.25				18.58	6.03	D	D 15; A 15.1; A1 14.75; B 12.6
36	12A5	185200	NGUYỄN QUỐC VIỆT	8.4	6.5	4	5.00	5.50	3.00				23.40	6.9	D	D 18.9; A 18.9; A1 17.4; B 16.9

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
37	12A5	185477	PHẠM VĂN VIỆT	4.6	4.5	3.2							12.30	4.6	T	D 11.65; C0 11.75; C1 11.8
38	12A5	185478	NGUYỄN VĂN VINH	6.8	4	6				4.5	6.75	6.75	22.80	6.68	D	D 16.8; C0 15.25; C1 15.3
39	12A5	185204	PHẠM VĂN VŨ	6	5	2.8	5.25	3.25	2.50				17.47	5.72	D	D 13.8; A 14.5; A1 14.05; B 11.75
1	12A6	185205	PHẠM PHƯƠNG ANH	6.2	3.75	5	2.50	3.00	2.00				17.45	5.71	D	D 14.95; A 11.7; A1 13.7; B 11.2
2	12A6	185241	NGUYỄN TRỌNG CUÔNG		-1								-1.00	2.4	T	D 20.7; C0 15.5; C1 18.1
3	12A6	185243	NGUYỄN ĐỨC DIỆN	7.6	6.25	1.8				5.5	7.5	8.5	22.82	6.71	D	D 15.65; C0 19.25; C1 19.35
4	12A6	185256	HOANG VŨ ĐẠI	4.2	1.5	3				3	3.5	4.5	12.37	4.49	T	D 8.7; C0 8; C1 8.7
5	12A6	185030	LÊ QUANG ĐẠT	7	3.25	2.4	3.75	5.25	2.50				16.48	5.48	D	D 12.65; A 16; A1 13.15; B 14.75
6	12A6	185264	LÊ ĐÌNH ĐỎ		-1								-1.00	1.98	T	D 16.6; C0 15.25; C1 15.05
7	12A6	185040	NGUYỄN THIÊN ĐỨC		-1		3.50	4.00	3.50				2.67	2.6	T	D -1; A 7.5; A1 3.5; B 7.5
8	12A6	185287	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	5.4	5	2.6				3.75	5.25	5.5	17.83	5.66	D	D 13; C0 14; C1 14.15
9	12A6	185288	ĐÀO QUANG HIỂU	6.2	3.5	2				5.5	5	4.75	16.78	5.51	D	D 11.7; C0 14; C1 15.2
10	12A6	185295	NGÔ THỊ HOÀI		-1								-1.00	2.4	T	D 14.8; C0 13.25; C1 13.6
11	12A6	185305	LÊ QUANG HUY	3	4	3.8				1.75	2.25	5	13.80	4.86	T	D 10.8; C0 8; C1 8.75
12	12A6	185315	NGUYỄN VĂN KHÁNH	6.4	4.25	2.4				6.25	5.5	7.5	19.47	6.01	D	D 13.05; C0 16; C1 16.9
13	12A6	185077	PHẠM ĐÌNH NGỌC KHÁNH	6.2	3	2.4	4.25	4.00	3.25				15.43	5.33	D	D 11.6; A 14.45; A1 12.85; B 13.45
14	12A6	185078	LÊ DANH KHỎE	7.4	2.25	1.6	5.75	2.50	2.25				14.75	5.24	D	D 11.25; A 15.65; A1 14.75; B 12.15
15	12A6	185319	NGUYỄN VĂN KÝ	6.2	2.5	2.4				5	5.25	6.25	16.60	5.44	D	D 11.1; C0 12.75; C1 13.7
16	12A6	185097	TRẦN HAI LONG	6	3.75	3.4							13.15	4.96	T	D 15.05; A 16.95; A1 15.05; B 13.95
17	12A6	185206	NGUYỄN NGỌC MINH	4.8	5.75	2.6	3.75	2.25	3.00				16.15	5.37	D	D 13.15; A 10.8; A1 11.15; B 10.05
18	12A6	185365	NGUYỄN VĂN NAM	5.6	5.5	2.4				4.5	5	5	18.33	5.84	D	D 13.5; C0 15; C1 15.6
19	12A6	185374	NGUYỄN THỊ NGỌC	4.8	5.5	3				4	3.75	6.25	17.97	5.95	D	D 13.3; C0 13.25; C1 14.3
20	12A6	185207	ĐỖ NHƯ QUỲNH	4.6	6.5	4.8	3.25	4.50	4.75				20.07	6.2	D	D 15.9; A 12.35; A1 12.65; B 13.85
21	12A6	185401	NGUYỄN THỊ QUỲNH	5.6	6	2.8				6.25	6	7	20.82	6.42	D	D 14.4; C0 18.25; C1 17.85
22	12A6	185405	VŨ BA SỨC	4	4	2.2				3.75	4.5	6.25	15.03	5.02	D	D 10.2; C0 12.25; C1 11.75
23	12A6	185417	NGUYỄN PHƯƠNG THAO	5	6	3				5.25	5.75	5.75	19.58	6.15	D	D 14; C0 17; C1 16.25
24	12A6	185428	MAI ĐỨC THẮNG	4.4	4.5	3.8				4.25	4.25	4	16.87	5.25	D	D 12.7; C0 13; C1 13.15
25	12A6	185431	NGUYỄN BÀ THIỀU	5.8	4	2.8				3.75	5.5	5.75	17.60	5.62	D	D 12.6; C0 13.25; C1 13.55
26	12A6	185155	NGUYỄN ĐẶC THỊNH	5.6	5.25	2.8	3.25	2.50	3.00				16.57	5.53	D	D 13.65; A 11.35; A1 11.65; B 11.1
27	12A6	185433	LÊ ĐỨC THỌ	5	4.5	3				4.25	3.75	4.75	16.75	5.5	D	D 12.5; C0 12.5; C1 13.75
28	12A6	185208	LÊ THỊ THUY	5.6	5.75	2.8	2.75	2.25	2.75				16.73	5.59	D	D 14.15; A 10.6; A1 11.15; B 10.6
29	12A6	185167	NGUYỄN VĂN TOÀN	5.8	6.75	2	3.75	5.75	4.00				19.05	6.14	D	D 14.55; A 15.3; A1 11.55; B 15.55
30	12A6	185168	DƯ THUY TRANG	7.4	5.5	3.6	5.25	5.75	2.25				20.92	6.41	D	D 16.5; A 18.4; A1 16.25; B 15.4
31	12A6	185474	LÊ VĂN VIỆT	4.6	4	3				4	4	6	16.27	5.24	D	D 11.6; C0 12; C1 12.6
32	12A6	185201	PHẠM VĂN VIỆT	8.6	5.25	2.6	7.25	5.75	2.75				21.70	6.37	D	D 16.45; A 21.6; A1 18.45; B 17.1
33	12A6	185203	LÊ QUANG VŨ	8	5.75	2	6.25	5.00	2.50				20.33	6.25	D	D 15.75; A 19.25; A1 16.25; B 15.5
34	12A6	185481	LÊ THỊ HAI YẾN	5	6	2.2				3.75	5	6.25	18.20	5.82	D	D 13.2; C0 14.75; C1 14.75

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
35	12A6	185482	NGUYỄN KIM YẾN	5.2	6	2.8				4	5	7.25	19.42	6.03	D	D 14; C0 15; C1 15.2
1	12A7	185002	BÙI ĐÌNH ANH	6.6	4.25	4.2	5.75	3.50	3.00				19.13	5.95	D	D 15.05; A 15.85; A1 16.55; B 13.1
2	12A7	185217	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	5	4.5	3				4.75	3.75	4.75	16.92	5.62	D	D 12.5; C0 13; C1 14.25
3	12A7	185242	LÊ CÔNG DANH	4.8	5.5	1.6				3.75	5	4.25	16.23	5.35	D	D 11.9; C0 14.25; C1 14.05
4	12A7	185266	HOANG TIEN ĐỨC	2.8	4	1.6				6.5	5.75	6	14.48	5.1	D	D 8.4; C0 16.25; C1 13.3
5	12A7	185037	LÊ HUYNH ĐỨC	6.4	4	3	4.25	4.25	2.75				17.15	5.57	D	D 13.4; A 14.9; A1 13.65; B 13.4
6	12A7	185267	NGUYỄN HOANG ĐỨC	2	-1	2				5.75	5	6.5	8.75	4.04	T	D 3; C0 9.75; C1 6.75
7	12A7	185278	NGUYỄN GIA HẢI	3	2.25	2.4				4.5	3.25	5.25	11.98	4.7	T	D 7.65; C0 10; C1 9.75
8	12A7	185291	NGUYỄN QUÝ HIẾU	4.8	4	1.8				4.5	5.5	4.5	15.43	5.27	D	D 10.6; C0 14; C1 13.3
9	12A7	185292	NGUYỄN VĂN HIẾU	7	3.5	2.6				6	4.75	6.5	18.85	5.99	D	D 13.1; C0 14.25; C1 16.5
10	12A7	185297	TẠ THỊ NGỌC HOÀN	5.6	6.5	2.6				6.75	7.25	6.25	21.45	6.42	D	D 14.7; C0 20.5; C1 18.85
11	12A7	185300	NGUYỄN MINH HOANG	3.8	4.5	2.4				4.25	4.75	6	15.70	5.26	D	D 10.7; C0 13.5; C1 12.55
12	12A7	185306	LƯU THỊ THANH HUYỀN	4.6	5.25	3.6				5	5	7.25	19.20	5.9	D	D 13.45; C0 15.25; C1 14.85
13	12A7	185307	NGUYỄN KIM THANH HUYỀN	6	3.75	2.4				5.25	5	5.5	17.40	5.74	D	D 12.15; C0 14; C1 15
14	12A7	185309	ĐÀO QUANG HÙNG	4.2	1.75	4.6				5.75	5.5	4.5	15.80	5.24	D	D 10.55; C0 13; C1 11.7
15	12A7	185071	BẠCH THỊ LAN HƯƠNG	7.4	6	4	5.25	4.75	2.50				21.57	6.61	D	D 17.4; A 17.4; A1 16.65; B 14.65
16	12A7	185317	LƯU VĂN KIẾN	4.6	5	2.4				5.25	6.25	6.75	18.08	5.67	D	D 12; C0 16.5; C1 14.85
17	12A7	185328	ĐÀO THỊ PHƯƠNG LINH	4	4.25	4.4				4.75	5.5	4.75	17.65	5.72	D	D 12.65; C0 14.5; C1 13
18	12A7	185346	HOANG THAO LY	5.4	6	5.2				5.5	5.5	6	22.27	6.71	D	D 16.6; C0 17; C1 16.9
19	12A7	185360	BÙI DUY NAM	3.2	4.5	2.8				4.25	2.75	5.5	14.67	5.2	D	D 10.5; C0 11.5; C1 11.95
20	12A7	185112	PHẠM THỊ NGÁT	5.6	4	1.4	3.75	3.25	2.75				14.25	5.09	D	D 11; A 12.6; A1 10.75; B 11.6
21	12A7	185388	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	2.8	5.5	2.4				4	2	3.75	13.95	4.63	T	D 10.7; C0 11.5; C1 12.3
22	12A7	185403	NGUYỄN VĂN SƠN		-1					5	3.5	5.25	3.58	3.23	T	D -1; C0 7.5; C1 4
23	12A7	185413	NGUYỄN ĐỨC THANH	1.8	4.5	1.8				3.75	4.25	4.75	12.35	4.61	T	D 8.1; C0 12.5; C1 10.05
24	12A7	185429	LÊ THỊ THẨM	4.2	5	3				5.75	4.75	5.25	17.45	5.62	D	D 12.2; C0 15.5; C1 14.95
25	12A7	185156	ĐÀO THỊ THƠ	7.6	6.25	2.6	5.75	5.00	3.00				21.03	6.49	D	D 16.45; A 18.35; A1 15.95; B 15.6
26	12A7	185158	BÙI THỊ THU	5.8	6.25	3.8	2.25	4.50	3.50				19.27	6.12	D	D 15.85; A 12.55; A1 11.85; B 13.8
27	12A7	185443	NGUYỄN THỊ THU	4.2	3.5	2.2				4.75	3.5	5.75	14.57	5.21	D	D 9.9; C0 11.75; C1 12.45
28	12A7	185456	NGUYỄN ĐÌNH TRIỂN	5.8	6	3.2				6.25	6.5	7.75	21.83	6.54	D	D 15; C0 18.75; C1 18.05
29	12A7	185459	LÊ DUY TRƯỜNG		-1								-1.00	2.36	T	D 16.75; A 14.35; A1 17; B 11.85
30	12A7	185460	LÊ VĂN TRƯỜNG		-1								-1.00	2.3	T	D 7.9; C0 11.5; C1 10.3
31	12A7	185470	NGUYỄN VĂN TỰ	4.4	4.5	3				3	4.25	4.5	15.82	5.34	D	D 11.9; C0 11.75; C1 11.9
32	12A7	185463	TRỊNH VĂN TUẤN	4.6	3.5	2.2				3.25	3	3.5	13.55	5	D	D 10.3; C0 9.75; C1 11.35
33	12A7	185465	TRẦN VĂN TUẤN	3.8	4.5	2.2				4.75	6	6.25	16.17	5.58	D	D 10.5; C0 15.25; C1 13.05
34	12A7	185197	TRẦN THỊ THU VÂN	6.4	7	5.2	5.50	5.00	4.25				23.52	6.99	D	D 18.6; A 16.9; A1 17.1; B 15.65
35	12A7	185476	PHẠM ĐỨC VIỆT		5	3.4				4.5	5.5	4.75	13.32	4.87	T	D 8.4; C0 15; C1 9.5
1	12A8	185212	LÊ THỊ KIM ANH	8.2	8	9.4				4.75	5.5	5.5	30.85	8.3	D	D 25.6; C0 18.25; C1 20.95

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
2	12A8	185213	LÊ THỊ LAN ANH	6.4	7.75	6				7.5	6	7.5	27.15	7.53	D	D 20.15; C0 21.25; C1 21.65
3	12A8	185215	MAI PHƯƠNG ANH	7	8	7.8				4	5.75	6	28.05	7.9	D	D 22.8; C0 17.75; C1 19
4	12A8	185221	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	6.4	7	8.6				5.5	6.25	5.5	27.75	7.64	D	D 22; C0 18.75; C1 18.9
5	12A8	185223	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	5.8	7	5.8				5	5.5	7	24.43	7.03	D	D 18.6; C0 17.5; C1 17.8
6	12A8	185226	PHAM PHƯƠNG ANH	6.2	7.75	8				4.75	5.25	5.5	27.12	7.53	D	D 21.95; C0 17.75; C1 18.7
7	12A8	185233	TẠ THỊ NGỌC ANH	5.8	8	7.8				3.75	5.75	5.5	26.60	7.44	D	D 21.6; C0 17.5; C1 17.55
8	12A8	185234	NGUYỄN THỊ BÍCH	6.4	7.75	7.4				5.25	5.25	6.75	27.30	7.71	D	D 21.55; C0 18.25; C1 19.4
9	12A8	185236	PHAM LINH CHI	6.2	7.25	6.2				6.75	7.75	7.25	26.90	7.55	D	D 19.65; C0 21.75; C1 20.2
10	12A8	185239	ĐÀO THỊ MY CHU	6.8	6	4				4	5	6	21.80	6.15	D	D 16.8; C0 15; C1 16.8
11	12A8	185240	LÊ CHÍ CÔNG	5.4	7	3.8				9	8	6	23.87	6.87	D	D 16.2; C0 24; C1 21.4
12	12A8	185246	NGUYỄN TIỀN HOÀNG DUY	6.6	6	9				3.5	6	7	27.10	7.23	D	D 21.6; C0 15.5; C1 16.1
13	12A8	185255	TRẦN THỊ LINH ĐAN	5.4	7	5.4				6.25	5.75	6.5	23.97	6.85	D	D 17.8; C0 19; C1 18.65
14	12A8	185271	ĐÀO THỊ THU HÀ	6.2	7.25	5.8				3.5	3.25	7	23.83	6.89	D	D 19.25; C0 14; C1 16.95
15	12A8	185284	NGUYỄN THỊ HUỆ HIỀN	7.4	8	8.6				5.5	5.5	6.75	29.92	8.17	D	D 24; C0 19; C1 20.9
16	12A8	185285	NGUYỄN THU HIỀN	6.6	8	8.4				4.5	5.25	6.25	28.33	7.83	D	D 23; C0 17.75; C1 19.1
17	12A8	185296	NGUYỄN THU HOÀI	6.2	7	6.2				6	6.75	7.75	26.23	7.28	D	D 19.4; C0 19.75; C1 19.2
18	12A8	185298	MAI MINH HOÀNG	6	7	5.4				5.25	7.75	7.25	25.15	7.12	D	D 18.4; C0 20; C1 18.25
19	12A8	185302	NGUYỄN THỊ HỒNG	7.6	7.25	7.2				5	3.75	6.25	27.05	7.34	D	D 22.05; C0 16; C1 19.85
20	12A8	185303	NGUYỄN THỊ HỒNG	7.8	7.25	9.8				6	7.5	6.5	31.52	8.39	D	D 24.85; C0 20.75; C1 21.05
21	12A8	185311	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	3.8	6.75	7.2				6.25	4	5.5	23.00	6.62	D	D 17.75; C0 17; C1 16.8
22	12A8	185345	NGUYỄN THỊ LỢI	5.6	7.75	7.6				5	5.25	5.5	26.20	7.36	D	D 20.95; C0 18; C1 18.35
23	12A8	185361	LÊ PHƯƠNG NAM	6.6	6.5	7.6				5	4	6.75	25.95	7.06	D	D 20.7; C0 15.5; C1 18.1
24	12A8	185366	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	7.6	8.25	8.6				5.5	6.25	7.5	30.87	8.39	D	D 24.45; C0 20; C1 21.35
25	12A8	185367	NGUYỄN THỊ THUY NGA	7.6	7	7				5.75	6.25	6.5	27.77	7.7	D	D 21.6; C0 19; C1 20.35
26	12A8	185376	VƯƠNG THỊ NGỌC	5.6	6.75	4.6				4.5	5.25	4.75	21.78	6.47	D	D 16.95; C0 16.5; C1 16.85
27	12A8	185382	NGUYỄN HỒNG NHUNG	4.6	7.5	3.4				3.5	4.25	4.5	19.58	5.97	D	D 15.5; C0 15.25; C1 15.6
28	12A8	185383	LƯU THỊ OANH	5.4	8	5.6				5.25	5	5.75	24.33	6.77	D	D 19; C0 18.25; C1 18.65
29	12A8	185386	NGUYỄN THỊ PHÚ	5.4	8	5				4.5	5.75	6.25	23.90	6.96	D	D 18.4; C0 18.25; C1 17.9
30	12A8	185406	LÊ HIỀN TÂM	4.4	7.5	7.2				3.75	4	5.5	23.52	6.78	D	D 19.1; C0 15.25; C1 15.65
31	12A8	185415	ĐÀO THỊ THU THẢO	7.2	7	8.2				6.5	6.75	6.75	29.07	8.05	D	D 22.4; C0 20.25; C1 20.7
32	12A8	185423	NGUYỄN THỊ THẢO	6.6	7.75	8.4				4.5	6	6.75	28.50	7.86	D	D 22.75; C0 18.25; C1 18.85
33	12A8	185419	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	5.8	8	7.6				4.5	6.25	6.25	27.07	7.55	D	D 21.4; C0 18.75; C1 18.3
34	12A8	185425	PHAM PHƯƠNG THẢO	6.6	8.5	7.2				5.75	4.25	6	27.63	7.59	D	D 22.3; C0 18.5; C1 20.85
35	12A8	185426	PHAM THỊ BÍCH THẢO	5.4	6.75	6.4				3.75	3.75	5.5	22.88	6.66	D	D 18.55; C0 14.25; C1 15.9
36	12A8	185445	ĐỖ HÀ TRANG	6.2	7.25	7.2				4.5	5.5	6.5	26.15	7.33	D	D 20.65; C0 17.25; C1 17.95
37	12A8	185447	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	6.6	7.25	3.6				3.75	5.75	5	22.28	6.62	D	D 17.45; C0 16.75; C1 17.6
38	12A8	185451	NGUYỄN THUY TRANG	7	6.75	5.6				4.75	5.25	5.75	24.60	7.02	D	D 19.35; C0 16.75; C1 18.5

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
39	12A8	185467	TRƯƠNG THỊ ANH TUYẾT	6.4	7.5	5				4	5.75	6.75	24.40	7.05	D	D 18.9; C0 17.25; C1 17.9
40	12A8	185471	NGUYỄN THỊ UYÊN	7	6.75	7.6				6.25	6.25	6.25	27.60	7.7	D	D 21.35; C0 19.25; C1 20
1	12A9	185209	NGUYỄN VĂN AN	5	6.5	2				4	5	5.75	18.42	5.83	D	D 13.5; C0 15.5; C1 15.5
2	12A9	185214	LƯƠNG THỊ LAN ANH	5	6	5.4				4	4.75	7.25	21.73	6.58	D	D 16.4; C0 14.75; C1 15
3	12A9	185220	NGUYỄN THỊ LAN ANH	6.6	7	4.4				4.25	6	4.75	23.00	6.8	D	D 18; C0 17.25; C1 17.85
4	12A9	185229	BUI THỊ ANH	4.4	7	6.6				4.75	6	7.25	24.00	7.1	D	D 18; C0 17.75; C1 16.15
5	12A9	185253	MAI HOANG DUONG	4.2	5	2.4				4.75	4.5	5.25	16.43	5.51	D	D 11.6; C0 14.25; C1 13.95
6	12A9	185260	TRẦN VĂN ĐẠT	6.8	6	5				4	3.25	5	21.88	6.61	D	D 17.8; C0 13.25; C1 16.8
7	12A9	185269	BUI THỊ GIANG	6.4	6.25	4				6	5.75	6.5	22.73	6.73	D	D 16.65; C0 18; C1 18.65
8	12A9	185275	NGUYỄN THỊ THU HÀ	4	4.75	3				3.5	5.5	6	16.75	5.77	D	D 11.75; C0 13.75; C1 12.25
9	12A9	185277	TRỊNH THU HÀ	4.4	5.75	4.8				3.25	4.75	6	19.62	6.18	D	D 14.95; C0 13.75; C1 13.4
10	12A9	185280	LÊ THUY HANH	5.8	7.75	7				3.75	5.5	6	25.63	7.27	D	D 20.55; C0 17; C1 17.3
11	12A9	185283	NGUYỄN THỊ THUY HẠNG	2.4	5	3.6				5.75	4.25	5.75	16.25	5.53	D	D 11; C0 15; C1 13.15
12	12A9	185308	PHAM THỊ THANH HUYỀN	6.2	4.75	4.2				3	5	5.75	19.73	6.2	D	D 15.15; C0 12.75; C1 13.95
13	12A9	185316	VŨ BA KHANH	6.4	6	5				3.5	5	6.25	22.32	6.63	D	D 17.4; C0 14.5; C1 15.9
14	12A9	185318	TRẦN XUÂN KIÊN	5.2	5	2.6				3.75	4.5	6.75	17.80	5.71	D	D 12.8; C0 13.25; C1 13.95
15	12A9	185320	BUI THỊ PHƯƠNG LAN	6	7	4.8				4.25	5.5	7.25	23.47	6.95	D	D 17.8; C0 16.75; C1 17.25
16	12A9	185323	NGUYỄN THỊ LAN	4.4	6	2.6				3	4.75	6.5	17.75	5.71	D	D 13; C0 13.75; C1 13.4
17	12A9	185332	NGÔ THỊ LINH	5.2	6.25	4.4				4.75	4	4	20.10	6.21	D	D 15.85; C0 15; C1 16.2
18	12A9	185334	NGUYỄN KHANH LINH	7.4	6.75	8				4.5	6.25	6.5	27.90	7.6	D	D 22.15; C0 17.5; C1 18.65
19	12A9	185335	NGUYỄN PHAM LINH LINH	6.4	6.5	5				4.25	5	6	22.98	6.86	D	D 17.9; C0 15.75; C1 17.15
20	12A9	185336	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	5.4	6.5	5.6				4	4	6.25	22.25	6.67	D	D 17.5; C0 14.5; C1 15.9
21	12A9	185341	NGUYỄN THUY LINH	5.8	5.5	5.6				3.75	5.25	6.75	22.15	6.63	D	D 16.9; C0 14.5; C1 15.05
22	12A9	185348	NGUYỄN HƯƠNG LY	2.6	5.75	5.8				3.75	4.25	4.25	18.23	6.06	D	D 14.15; C0 13.75; C1 12.1
23	12A9	185351	HUỖNH THỊ MAI	5.8	6.75	7				5.75	6	6.25	25.55	7.4	D	D 19.55; C0 18.5; C1 18.3
24	12A9	185355	NGUYỄN HUY MINH	5	5.25	3.4				3.5	3.75	5.5	17.90	5.38	D	D 13.65; C0 12.5; C1 13.75
25	12A9	185357	NGUYỄN THỊ HUYỀN MỸ	6	6.5	3.4				5.25	4.25	6	21.07	6.5	D	D 15.9; C0 16; C1 17.75
26	12A9	185371	LÊ THỊ NHƯ NGỌC	7	6.5	3				3.75	5	5	21.08	6.5	D	D 16.5; C0 15.25; C1 17.25
27	12A9	185375	TẠ BÍCH NGỌC	5.4	6	5				4.25	3.75	4.5	20.57	6.26	D	D 16.4; C0 14; C1 15.65
28	12A9	185379	ĐÀO THỊ HỒNG NHUNG	3.6	6.75	4.4				4.75	4.75	6.5	20.08	6.26	D	D 14.75; C0 16.25; C1 15.1
29	12A9	185391	VŨ THỊ THU PHƯƠNG	4.8	6.25	4.4				4	4.5	7.25	20.70	6.26	D	D 15.45; C0 14.75; C1 15.05
30	12A9	185400	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	5	6.25	4.6				4	3	5	19.85	6.02	D	D 15.85; C0 13.25; C1 15.25
31	12A9	185402	NGUYỄN MINH SƠN	3.4	5.5	2.8				2.75	3.75	6.25	15.95	5.33	D	D 11.7; C0 12; C1 11.65
32	12A9	185411	TRẦN THANH THANH	5.4	6	4.2				5	3	5.75	20.18	6.22	D	D 15.6; C0 14; C1 16.4
33	12A9	185422	NGUYỄN THỊ THAO	4.2	6.75	3.4				4.25	5.5	5	19.27	6.12	D	D 14.35; C0 16.5; C1 15.2
34	12A9	185441	LÊ THỊ ANH THƯ	5.4	6.5	8.2				6	5.25	7.75	26.43	7.53	D	D 20.1; C0 17.75; C1 17.9
35	12A9	185172	NGUYỄN NGỌC THUY TRANG	3.8	6.25	4.2				3	4.5	4.5	18.25	5.91	D	D 14.25; C0 13.75; C1 13.05

STT	Lớp	SBD	Họ tên	to	va	NN	ly	ho	si	su	di	cd	Tong	Điểm xét	KQ	Điểm theo khối xét tuyển
36	12A9	185452	PHẠM THU TRANG	5.6	6.5	8.2				3	4.5	6	24.80	7.15	D	D 20.3; C0 14; C1 15.1
37	12A9	185454	TRỊNH THỊ KIỀU TRANG	4	6.5	5.6				5.25	5.75	8.25	22.52	6.69	D	D 16.1; C0 17.5; C1 15.75
38	12A9	185457	NGUYỄN THỊ THUY TRINH	6.2	6.5	6				5.25	7.25	7.75	25.45	7.26	D	D 18.7; C0 19; C1 17.95
39	12A9	185462	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	6	5	5.2				3	5.75	6.5	21.28	6.41	D	D 16.2; C0 13.75; C1 14
40	12A9	185469	NGUYỄN HỮU TU	5.8	5	5.8				4.25	6	6.25	22.10	6.65	D	D 16.6; C0 15.25; C1 15.05
41	12A9	185472	LÊ THỊ THAO VÂN	5	6.75	5.2				4.5	6	6.5	22.62	6.74	D	D 16.95; C0 17.25; C1 16.25
42	12A9	185473	NGUYỄN THỊ THAO VÂN	5.8	6.75	3.2				4.25	4	4.25	19.92	6.21	D	D 15.75; C0 15; C1 16.8
1	12TDO	185485	Đào Thị Vân Anh	6.8		2.4	6.75	4.75					13.03			D 9.2; A 18.3; A1 15.95; B 11.55
2	12TDO	185487	Vũ Ngọc Anh	8			5.75	5.00					11.58			D 8; A 18.75; A1 13.75; B 13
3	12TDO	185488	Nguyễn Thị Cúc	7.4	7	5.8							20.20			D 8; A 18.75; A1 13.75; B 13
4	12TDO	185492	Đặng Đình Sơn	5.2	6.25					6.25			13.53			D 11.45; C0 12.5; C1 17.7
5	12TDO	185493	Vũ Bá Trường	3.6	4.5					5.5			9.93			D 8.1; C0 10; C1 13.6
6	12TDO	185491	Nguyễn Tiên Kiên	8			7.00	5.25					12.08			D 8; A 20.25; A1 15; B 13.25
7	12TDO	185486	Nguyễn Thị Tú Anh			6.8							5.80			D 8; A 20.25; A1 15; B 13.25
9	12TDO	185490	Nguyễn Thị Hằng			8.6							8.60			D 8; A 20.25; A1 15; B 13.25
10	12TDO	185494	Đỗ Nguyên Vũ			8							8.00			D 8; A 20.25; A1 15; B 13.25
11	12TDO	185495	Quách Thị Thúy Ngân			7.2							7.20			D 8; A 20.25; A1 15; B 13.25
12	12TDO	185496	Nguyễn Thị Hằng			4.4							4.40			D 8; A 20.25; A1 15; B 13.25